

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 93/2018/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp triển khai các hoạt động kiểm soát  
thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của  
Chính phủ về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với  
các quy định hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của  
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm  
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành  
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm  
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ  
trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và  
rà soát, đánh giá thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của  
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát  
thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số  
21/TTr-VPUB ngày 01 tháng 11 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp triển khai các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; gồm 06 Chương, 14 Điều.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2018; thay thế Quyết định số 108/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp triển khai các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lưu Xuân Vĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Phối hợp triển khai các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 93/2018/QĐ-UBND  
ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

## **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc phối hợp, trách nhiệm giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là Văn phòng UBND tỉnh) với các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là UBND tỉnh); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) và UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) trong việc cập nhật, công bố, công khai, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là TTHC), quy định nội dung kiểm soát chất lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh và tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

### **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**

1. Phối hợp thường xuyên, chặt chẽ trong hoạt động kiểm soát, công bố, công khai, rà soát, đánh giá TTHC; việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính giữa Văn phòng UBND tỉnh với các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được thống nhất, đúng quy trình, quy định, nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả mục tiêu cải cách TTHC, cải cách hành chính.

2. Quy định rõ ràng nội dung, trách nhiệm cụ thể của các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trong việc kiểm soát chất lượng TTHC, công bố, công khai, rà soát, đánh giá TTHC và tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

3. Việc phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thời gian công bố, công khai, rà soát, đánh giá TTHC.

4. Phát huy tính chủ động, tích cực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phối hợp thực hiện các hoạt động kiểm soát TTHC.

5. Tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước; kịp thời phát hiện các TTHC không phù hợp, phức tạp, phiền hà; TTHC cần thiết, đáp ứng nhu cầu thực tế để kiến nghị cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bãi bỏ, hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung TTHC; bảo đảm quy định TTHC đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức của cá nhân, tổ chức và cơ quan thực hiện TTHC.

#### **Điều 4. Nội dung phối hợp**

1. Phối hợp trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC; công bố TTHC; công bố Danh mục TTHC.

2. Phối hợp trong công khai TTHC; công tác tuyên thông; khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC.

3. Phối hợp trong rà soát, đánh giá TTHC.

4. Phối hợp trong tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính

### **Chương II**

## **PHỐI HỢP TRONG XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; CÔNG BỐ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

#### **Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh**

1. Đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC.

a) Lấy ý kiến đối với quy định về TTHC trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh:

Cơ quan đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh phải lấy ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh về TTHC quy định trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Văn phòng UBND tỉnh cho ý kiến về TTHC quy định trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh. Nội dung cho ý kiến về quy định TTHC chủ yếu xem xét các vấn đề được quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính) (sau đây gọi tắt là Nghị định số 63/2010/NĐ-CP; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP).

Trong trường hợp cần thiết, Văn phòng UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng chịu sự tác động của quy định về TTHC thông qua tham vấn, hội nghị, hội thảo để tổng hợp ý kiến gửi cơ quan chủ trì soạn thảo.

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý của Văn phòng UBND tỉnh; trường hợp không tiếp thu ý kiến góp ý của Văn phòng UBND tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo có văn bản giải trình cụ thể, gửi Văn phòng UBND tỉnh trước khi gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

b) Đánh giá tác động của TTHC:

Việc thực hiện đánh giá tác động của TTHC trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 92/2017/NĐ-CP) và Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính.

Sở Tư pháp phối hợp Văn phòng UBND tỉnh theo dõi hướng dẫn của Bộ Tư pháp về việc đánh giá tác động của TTHC, trường hợp có nội dung khác không được quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp thì kịp thời thông tin cho các sở, ban, ngành để thực hiện đảm bảo theo quy định pháp luật.

c) Thẩm định quy định về TTHC:

Ngoài việc thẩm định nội dung dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định quy định về TTHC và thể hiện nội dung này trong Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp gửi các cơ quan, đơn vị.

Nội dung thẩm định TTHC chủ yếu xem xét các tiêu chí quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 92/2017/NĐ-CP).

Ngoài thành phần hồ sơ gửi thẩm định theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan gửi thẩm định phải có bản đánh giá tác động về TTHC theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 92/2017/NĐ-CP).

Sở Tư pháp không tiếp nhận hồ sơ gửi thẩm định nếu dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC chưa có bản đánh giá tác động về TTHC và ý kiến góp ý của Văn phòng UBND tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Quy trình xây dựng, ban hành Quyết định công bố TTHC

a) Các sở, ban, ngành chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định về TTHC có trách nhiệm tham mưu dự thảo Quyết định

của Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP; khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2017/TT-VPCP).

Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh phải được ban hành chậm nhất trước 05 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành.

Quy trình thực hiện như sau:

- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh xây dựng Tờ trình, dự thảo Quyết định công bố TTHC và gửi đến Văn phòng UBND tỉnh để trình ký, ban hành Quyết định công bố chậm nhất trước 08 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành.

- Căn cứ vào Quyết định công bố của bộ, cơ quan ngang bộ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm kiểm soát về hình thức, nội dung dự thảo Quyết định công bố sau khi nhận được hồ sơ trình ban hành Quyết định công bố. Trường hợp dự thảo Quyết định công bố đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng UBND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành Quyết định công bố TTHC theo quy định.

- Đối với dự thảo Quyết định công bố chưa đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng UBND tỉnh gửi sở, ban, ngành dự thảo Quyết định công bố ý kiến góp ý để hoàn thiện dự thảo chậm nhất sau 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình Quyết định công bố.

Sở, ban, ngành dự thảo Quyết định công bố nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Quyết định công bố để trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành chậm nhất sau 02 ngày kể từ ngày nhận được văn bản góp ý. Văn bản tiếp thu, giải trình được bổ sung kèm theo hồ sơ hoàn thiện trình ban hành Quyết định công bố.

b) Đối với văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành; quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày ký ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định về TTHC.

Quy trình thực hiện như sau:

- Các sở, ban, ngành chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh dự thảo Quyết định công bố ngay trong quá trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định TTHC.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh được ký ban hành, sở, ban, ngành dự thảo quyết định công bố khẩn trương gửi hồ sơ trình ban hành quyết định công bố gồm: tờ trình, dự thảo quyết định công bố, gửi đến Văn phòng UBND tỉnh.

- Căn cứ vào Quyết định công bố của bộ, cơ quan ngang bộ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Văn phòng UBND tỉnh kiểm soát về hình thức, nội dung Quyết định công bố sau khi nhận được hồ sơ trình ban hành Quyết định công bố. Trường hợp dự thảo Quyết định công bố đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng UBND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh ký, ban hành.

- Đối với dự thảo Quyết định công bố chưa đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng UBND tỉnh gửi sở, ban, ngành dự thảo Quyết định công bố ý kiến góp ý để hoàn thiện dự thảo.

Sở, ban, ngành dự thảo quyết định công bố hoàn thiện quyết định công bố trên cơ sở ý kiến góp ý của Văn phòng UBND tỉnh để trình Chủ tịch UBND tỉnh ký, ban hành chậm nhất sau 01 ngày kể từ ngày nhận được văn bản góp ý.

c) Sau khi Quyết định công bố TTHC được ký, ban hành, Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm gửi đến Cục Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Chính phủ (bản điện tử thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính) và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết TTHC chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành; đồng thời công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và tích hợp dữ liệu để công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định.

3. Quy trình xây dựng, ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh

a) Trên cơ sở Quyết định công bố của bộ, cơ quan ngang bộ (đã được gửi theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP); trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định công bố của bộ, cơ quan ngang bộ được công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC hoặc được công khai trên Cổng Thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ hoặc kể từ ngày các Sở, Ban, ngành nhận được Quyết định công bố của bộ, cơ quan ngang bộ (bản giấy); các sở, ban, ngành thuộc UBND cấp tỉnh xây dựng Tờ trình, dự thảo Quyết định công bố danh mục TTHC và gửi đến Văn phòng UBND tỉnh.

b) Văn phòng UBND tỉnh kiểm soát về hình thức, nội dung Quyết định công bố sau khi nhận được hồ sơ trình ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC. Trường hợp dự thảo Quyết định công bố đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng UBND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh ký, ban hành.

c) Đối với dự thảo Quyết định công bố chưa đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng UBND tỉnh gửi cơ quan, đơn vị dự thảo Quyết định công bố ý kiến góp ý để hoàn thiện dự thảo chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình ban hành Quyết định công bố.

Sở, ban, ngành dự thảo Quyết định công bố nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Quyết định công bố để trình Chủ tịch UBND tỉnh ký, ban hành chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản góp ý. Văn bản tiếp thu, giải trình được bổ sung kèm theo hồ sơ hoàn thiện trình ban hành Quyết định công bố.

d) Sau khi Quyết định công bố danh mục TTHC được ký, ban hành, Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm gửi đến Cục Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Chính phủ (bản điện tử thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính) và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành; đồng thời công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và tích hợp dữ liệu để công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định.

**Điều 6. Trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc xây dựng quyết định công bố**

1. Đơn vị phụ trách kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc xây dựng dự thảo quyết định công bố của các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC phát hiện TTHC chưa được công bố hoặc công bố chưa đầy đủ, chính xác nội dung quy định về TTHC tại các văn bản quy phạm pháp luật thì phản ánh về Văn phòng UBND tỉnh để xử lý theo quy định.

**Chương III**

**PHỐI HỢP TRONG CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH;  
CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG; KHAI THÁC, SỬ DỤNG  
DỮ LIỆU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Điều 7. Phối hợp trong công khai TTHC**

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh có nhiệm vụ trực tiếp tiếp nhận, giải quyết TTHC phải thực hiện công khai kịp thời, đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết.

2. Việc công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết TTHC được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 92/2017/NĐ-CP).

3. Việc công khai TTHC phải đảm bảo theo yêu cầu và cách thức quy định tại Điều 14 và Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP.

4. Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai TTHC tại các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ trực tiếp tiếp nhận, giải quyết TTHC tại địa phương.

**Điều 8. Phối hợp trong công tác truyền thông về cải cách TTHC và kiểm soát TTHC**

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã chủ động trong công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của công tác cải cách TTHC và kiểm soát TTHC cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý nhằm nâng cao nhận thức trong thực thi công vụ; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và



doanh nghiệp khi thực hiện TTHC; phối hợp với các cơ quan báo, đài để tuyên truyền thường xuyên về kết quả đạt được trong cải cách TTHC, biểu dương những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác thực hiện TTHC.

2. Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh các huyện, thành phố tập trung tuyên truyền về cải cách TTHC và kiểm soát TTHC bằng các hình thức phù hợp.

3. Văn phòng UBND tỉnh là đầu mối cung cấp thông tin, tài liệu hỗ trợ công tác truyền thông cho các cơ quan, đơn vị.

### **Điều 9. Phối hợp trong khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia**

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức trong trường hợp cá nhân, tổ chức đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính theo các quy định về TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia; không được quy định thêm bất kỳ nội dung nào khác về TTHC ngoài những quy định đã được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Khi phát hiện những TTHC đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa được công bố, công khai hoặc được công bố, công khai nhưng chưa chính xác, đầy đủ theo quy định hoặc đã hết hiệu lực thi hành, bị hủy bỏ, bãi bỏ nhưng vẫn được đăng tải công khai hoặc không đảm bảo sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm thông báo, gửi ý kiến phản hồi cho Văn phòng UBND tỉnh để kịp thời xử lý.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm quản lý tài khoản đăng nhập, kiểm duyệt, đăng tải, kiểm tra, rà soát dữ liệu TTHC; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, TTHC được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và TTHC được công khai tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC.

## **Chương IV PHỐI HỢP TRONG RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc rà soát, đánh giá TTHC**

1. Căn cứ Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC hàng năm trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được giao chủ trì rà soát, đánh giá TTHC hoặc nhóm TTHC, quy định hành chính có liên quan tập trung tiến hành rà soát theo yêu cầu về mục tiêu và tiến độ của kế hoạch; tổng hợp kết quả rà soát và dự thảo Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC, gửi về Văn phòng UBND tỉnh để xem xét, đánh giá chất lượng rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Văn phòng UBND tỉnh xem xét, đánh giá chất lượng rà soát theo các nội dung: việc sử dụng biểu mẫu rà soát, đánh giá, bảng tính chi phí tuân thủ; chất lượng phương án đơn giản hóa; tỷ lệ cắt giảm số lượng TTHC, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC theo mục tiêu Kế hoạch đã đề ra; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc thực hiện rà soát, đánh giá TTHC theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được giao chủ trì rà soát, đánh giá TTHC gửi kết quả rà soát, đánh giá và biểu mẫu rà soát, đánh giá; sơ đồ nhóm TTHC trước và sau rà soát (đối với trường hợp rà soát nhóm); tổng hợp, tiếp thu, giải trình phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC thuộc lĩnh vực rà soát do UBND tỉnh đề xuất (nếu có đối với rà soát theo kế hoạch của bộ, cơ quan ngang bộ) đã được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt về Văn phòng UBND tỉnh để xem xét, đánh giá chất lượng.

4. Trên cơ sở đánh giá của Văn phòng UBND tỉnh; Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được giao chủ trì rà soát, đánh giá hoàn thiện kết quả rà soát, đánh giá và dự thảo Quyết định thông qua Phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC đối với từng lĩnh vực hoặc theo nội dung được giao chủ trì, theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

## **Chương V**

### **PHỐI HỢP TRONG TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**

**Điều 11. Quy trình tiếp nhận, phân loại, chuyển phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị**

1. Văn phòng UBND tỉnh thực hiện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp gửi đến Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (sau đây viết tắt là hệ thống thông tin); cập nhật đầy đủ các phản ánh, kiến nghị được gửi bằng văn bản, điện thoại, fax, thư điện tử vào Hệ thống thông tin để xử lý theo quy định của pháp luật.

Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị do Văn phòng Chính phủ xây dựng và được tích hợp trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh tại địa chỉ <http://nguoidan.chinhphu.vn> và <http://doanhnghiep.chinhphu.vn>.

2. Việc đánh giá và phân loại phản ánh, kiến nghị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP.

Các phản ánh, kiến nghị đáp ứng các nội dung, yêu cầu quy định tại Điều 5, Điều 7 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 20/2008/NĐ-CP) (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 92/2017/NĐ-CP) nhưng không thuộc thẩm quyền quyết định, phạm vi quản lý, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày

nhận được phản ánh, kiến nghị, Văn phòng UBND tỉnh chuyển phản ánh, kiến nghị tới cơ quan hành chính Nhà nước, người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở các phản ánh, kiến nghị được Văn phòng UBND tỉnh chuyển thông qua Hệ thống thông tin, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý hoặc phối hợp xử lý phản ánh, kiến nghị theo quy trình được quy định tại Điều 14 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 92/2017/NĐ-CP). Trường hợp phản ánh, kiến nghị liên quan tới nhiều sở, ban, ngành, địa phương thì sở, ban, ngành, địa phương tiếp nhận cần xác định các cơ quan liên quan để phối hợp xử lý đảm bảo theo quy định.

3. Các phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền của hai hay nhiều cơ quan hành chính Nhà nước khác nhau nhưng các cơ quan này không thống nhất được phương án xử lý, hoặc đã được các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trả lời nhưng người dân, doanh nghiệp không nhất trí và vẫn tiếp tục gửi phản ánh, kiến nghị, Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định và trả lời theo quy định của pháp luật.

### **Điều 12. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh**

1. Quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

2. Phối hợp với Văn phòng Chính phủ để kết nối, tích hợp, trao đổi dữ liệu điện tử các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính giữa Công thông tin điện tử tỉnh và Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; cập nhật tình hình, kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị vào Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

3. Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và của các cơ quan hành chính Nhà nước trong tỉnh.

Đối với hình thức phản ánh, kiến nghị thông qua Phiếu lấy ý kiến, cơ quan, đơn vị, địa phương nào gửi Phiếu lấy ý kiến thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó tiếp nhận.

4. Giao nhiệm vụ cho đơn vị phụ trách kiểm soát thủ tục hành chính tổ chức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị thông qua địa chỉ cơ quan, số điện thoại chuyên dùng, thư điện tử tiếp nhận phản ánh, kiến nghị đã được Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công bố công khai; đồng thời thực hiện việc tiếp nhận, trả lời

phản ánh, kiến nghị; phân loại, chuyển phản ánh, kiến nghị đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoặc chuyển đến các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, người có thẩm quyền xử lý, trả lời theo đúng quy trình quy định tại Điều 9 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 92/2017/NĐ-CP).

5. Xây dựng chuyên mục tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh liên kết, tích hợp với Hệ thống thông tin.

6. Cung cấp tài khoản, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng các chức năng của Hệ thống thông tin để tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

7. Hướng dẫn người dân, doanh nghiệp truy cập Hệ thống thông tin để gửi, tra cứu tình hình, kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị.

**Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã**

1. Trên cơ sở các phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trong phạm vi thẩm quyền do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển đến thông qua Hệ thống thông tin; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý hoặc phối hợp xử lý phản ánh, kiến nghị theo quy trình được quy định tại Điều 14 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 92/2017/NĐ-CP). Trường hợp phản ánh, kiến nghị liên quan tới nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương thì cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận cần xác định các cơ quan liên quan để phối hợp xử lý.

2. Có trách nhiệm xử lý đối với những phản ánh, kiến nghị về hành vi của cán bộ, công chức, cơ quan Nhà nước thuộc quyền quản lý trực tiếp và chỉ đạo xử lý đối với những phản ánh, kiến nghị về hành vi của cán bộ, công chức, cơ quan Nhà nước thuộc quyền quản lý của cấp dưới.

3. Bố trí nhân sự, trang thiết bị, đường truyền; quản lý tài khoản an toàn để phục vụ khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin theo hướng dẫn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ứng dụng chữ ký số trong các văn bản điện tử để chuyển xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Trường hợp chưa có chữ ký số thì thực hiện scan bản giấy có chữ ký và đóng dấu của cơ quan hành chính Nhà nước khi cập nhật vào Hệ thống thông tin.

5. Lựa chọn hình thức xử lý phản ánh, kiến nghị theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP. Trường hợp phản ánh, kiến nghị phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan và không thống nhất phương án xử lý thì báo cáo, trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị được phân công xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp có trách nhiệm cập nhật, đăng tải công khai kết quả trả lời trên Hệ thống thông tin theo các hình

thức được quy định tại Điều 19 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 92/2017/NĐ-CP).

7. Xây dựng chuyên mục tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị (nếu có) liên kết, tích hợp với Hệ thống thông tin.

8. Tuân thủ đúng quy trình, thời hạn tiếp nhận, phân loại xử lý, cập nhật, đăng tải kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị.

## **Chương VI** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã và cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

3. Giao Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nội dung Quy chế này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Lưu Xuân Vĩnh**